

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2017/TCDS- ST

Ngày : 21 - 12-2017.

“V/v tranh chấp về giao dịch
dân sự, hợp đồng dân sự”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Xuân Toàn

Ông Đỗ Trung Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trong các ngày 21 và ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, Quảng Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 10/2017/TLST-DS ngày 22/8/2017 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2017/QĐXXST-DS ngày 30/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng tổng hợp và thương mại Đ(Sau đây gọi tắt là Công ty Đ).

Địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T – Giám đốc công ty.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Bị đơn:* Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Trưởng thôn.

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi cho Công ty Đ: Ông Nguyễn Thái T – Luật sư, Văn phòng luật sư K, thuộc Đoàn Luật sư Quảng Bình.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/8/2017, bản tự khai ngày 08/9/2017 và các biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa thì người đại diện theo pháp luật của nguyên

đơn, ông Nguyễn Xuân T trình bày: Ngày 05/4/2015 Công ty Đ có ký hợp đồng số 01/2015/HĐ-XD với thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình do ông Đỗ Ngọc Q là Trưởng thôn làm trưởng ban quản lý Đình làng hợp đồng về việc xây dựng Đình làng thôn X với trị giá xây dựng công trình là 449.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi chín triệu đồng) (chưa bao gồm giá trị phát sinh), thời gian khởi công xây dựng là ngày 08/4/2015; ngày hoàn thành là 19/8/2015. Sau khi nhận thầu Công ty Đ đã khởi công xây dựng và đã làm các thủ tục bàn giao công trình đúng tiến độ, chất lượng, thiết kế, mỹ thuật và thanh lý hợp đồng ngày 22/8/2015. Trong quá trình Công ty Đ thi công thì thôn Xuân Bồ có sự thay đổi nhân sự: Ông Nguyễn Văn H được bầu làm trưởng thôn X thay ông Đỗ ngọc Q, nên từ tháng 7/2015 ông Nguyễn Văn H làm trưởng thôn và trưởng Ban quản lý Đình làng đại diện ký tất cả các biên bản nghiệm thu, biên bản thay đổi thiết kế, biên bản thanh lý hợp đồng. Đến ngày 30/6/2016 Công ty Đ và thôn X đã đối chiếu công nợ: Thôn X còn nợ công ty Đ số tiền 86.642.000đ; ngày 30/3/2017 thôn X đã trả cho Công ty Đ số tiền 56.641.000đ, số tiền còn lại là 30.000.000đ (Lấy tròn số). Từ đó đến nay Công ty Đ đã đòi nợ nhiều lần nhưng ông Nguyễn Văn H trưởng thôn hứa hẹn mãi mà không trả cho Công ty Đ, vì vậy Công ty Đ làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc thôn X phải trả cho Công ty Đ số tiền còn nợ gốc là 30.000.000đ và tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày khởi kiện là 3.600.000đ.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân T đại diện cho Công ty Đ chỉ yêu cầu tính lãi với thời hạn là 15 tháng tính từ tháng 4/2016, với lãi suất 0,8%/tháng. Thành tiền là 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Tại bản tự khai ngày 08/9/2017, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa thì đại diện cho thôn X, ông Nguyễn Văn H (trưởng thôn) trình bày: Ông thừa nhận ngày 05/4/2015 công ty Đ có hợp đồng xây dựng với thôn X về việc xây dựng công trình Đình làng thôn X với giá trị hợp đồng là 499.000.000đ (chưa bao gồm giá trị phát sinh), quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty Đ đã thực hiện đúng công việc theo hợp đồng đã ký kết. Ngày 22/8/2015 giữa công ty Đ và thôn X đã thanh lý hợp đồng và bàn giao công trình đưa vào sử dụng, ngày 30/8/2016 ông đại diện cho thôn X ký xác nhận công nợ với Công ty Đ, theo đó thôn X còn nợ Công ty Đ 86.642.000đ, tuy nhiên đến ngày 30/3/2017 thôn X đã thanh toán cho công ty Đ số tiền 56.641.000đ, còn nợ lại 30.000.000đ (Lấy tròn số). Sau đó thôn X thành lập tổ kiểm tra, kiểm tra lại các hạng mục phát sinh thì thấy giá trị có sự chênh lệch, cụ thể là thôn X đã thanh toán cho Công ty Đ cao hơn so với giá trị thi công. Do đó phía thôn X đã trao đổi với công ty Đ nhưng phía Công ty Đ không nhất trí nên thôn X đã đề nghị Hội đồng nhân dân xã X thành lập đoàn kiểm tra, kiểm tra 09 hạng mục phát sinh, sau kiểm tra có kết quả: Tường xây do phát sinh nâng cao 0,7m; phần tô trát tường phát sinh nâng cao 0,7m; lắp ráp khuôn ngoại toàn bộ; hạng mục bê tông đỉnh mái; hạng mục nhân công toàn bộ; hạng mục bê tông bậc cấp; hạng mục điện sáng; hạng mục phát sinh kho toàn bộ; hạng mục phát sinh xây dựng phần móng toàn bộ, thì thấy giá mà Công ty Đ thanh toán chênh lệch 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng). Vì vậy, ông đề nghị Công ty Đ thanh toán tiền chênh lệch về giá trị đã thanh toán cho công ty Đ

67.000.000đ(Sáu mươi bảy triệu đồng), sau khi cân đối với số nợ mà thôn X còn nợ Công ty Đ 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) thì ông yêu cầu phía công ty Đ phải hoàn trả lại cho thôn X 37.000.000đ(Ba mươi bảy triệu đồng).

Tại phiên tòa, Luật sư Nguyễn Thái T là người bảo vệ quyền lợi cho công ty Đ cho rằng:

Thứ nhất: Việc Công ty Đ ký kết hợp đồng xây dựng với thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình về việc xây dựng công trình Đình làng thôn X là đảm bảo và đúng theo quy định của pháp luật, trong quá trình thi công có một số hạng mục phát sinh đều được sự thống nhất của cả hai bên;

Thứ hai: Công trình xây dựng được nghiệm thu ngày 22/8/2015, tại bản nghiệm thu kết luận: Chất lượng thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị của các hạng mục và toàn bộ công trình đảm bảo chất lượng, được chấp nhận và nghiệm thu tốt; ngày 16/9/2015 nghiệm thu công trình đã hoàn thành, bàn giao đưa công trình vào sử dụng, kết luận: Công trình đảm bảo đưa vào sử dụng; Bản thanh lý hợp đồng ngày 22/9/2015 đã khẳng định: Hai bên thống nhất ký biên bản thanh lý hợp đồng xây dựng số 01/2015/HĐ-XD ngày 05/4/2015. Bên công ty Đ đã bàn giao công trình Đình làng thôn X cho thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình đưa vào quản lý, sử dụng; phía thôn X đồng ý thanh toán cho Công ty Đ giá trị hợp đồng là 627.728.508đ(Sáu trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn năm trăm linh tám đồng).

Thứ ba: Tại mục 21.3 của Hợp đồng số 01/2015/HĐ-XD ngày 05/4/2015 giữa thôn X với công ty Đ nói rõ: Chấm dứt trách nhiệm của chủ đầu tư: Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm với nhà thầu về bất cứ việc gì và vấn đề gì theo hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng sau khi thanh lý hợp đồng.

Như vậy, việc Công ty Đ khởi kiện về số tiền mà thôn X còn nợ Công ty Đ theo hợp đồng xây dựng Đình làng thôn X là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét; đối với phần phản tố của bị đơn là hoàn toàn không có căn cứ, bởi vì công trình hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng ngày 22/9/2015(Ngày thanh lý cuối cùng) đến nay đã hơn hai năm, tất cả các biên bản thanh lý đều có sự nhất trí của ông Nguyễn Văn H - Trưởng thôn(ông H ký biên bản thanh lý), việc ông H thống nhất ký biên bản thanh lý không bị sự ép buộc nào, mặt khác ông H căn cứ vào kết luận của Tổ kiểm tra, giám sát thôn X cũng như kết luận của Đoàn kiểm tra, giám sát Hội đồng nhân dân xã X để yêu cầu Công ty Đ phải hoàn trả số tiền 67.000.000đ(Sáu mươi bảy triệu đồng) là không có căn cứ. Bởi vì, Công ty Đ hợp đồng xây dựng với thôn X về việc xây dựng Đình làng thôn X, trong hợp đồng xây dựng số 01/2015/HĐ-XD ngày 05/4/2015 không có điều, khoản nào quy định sau khi công trình hoàn thành, đã được nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng thì thôn X có quyền lập Tổ kiểm tra hay giám sát chất lượng công trình bất cứ thời gian nào để kiểm tra chất lượng, và xác định trách nhiệm, nghĩa vụ của Công ty Đ. Hơn nữa, hợp đồng xây dựng số 01/2015/HĐ-XD ngày 05/4/2015 chỉ được ký kết giữa Công ty Đ và thôn X, Tổ kiểm tra hay Đoàn giám sát của thôn, xã đều không có liên quan gì trong hợp đồng xây dựng này. Vì vậy, ông đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, không chấp nhận yêu

cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H, đại diện cho thôn X yêu cầu công ty Đ phải hoàn trả số tiền 67.000.000đ(Sáu mươi bảy triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm vấn, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Ngày 05/4/2015 Công ty Đ có ký hợp đồng xây dựng với thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình về việc xây dựng Đình làng thôn X theo hợp đồng số 01/2015/HĐ-XD. Tổng trị giá hợp đồng là 499.000.000đ(Bốn trăm chín mươi chín triệu đồng)(chưa bao gồm giá trị phát sinh), trong quá trình thi công công trình phát sinh một số hạng mục với trị giá 128.000.000đ(hai bên đã có thỏa thuận, thống nhất những hạng mục phát sinh và giá trị). Thời hạn xây dựng công trình từ ngày khởi công 08/4/2015 đến 19/8/2015. Ngày 22/8/2015 giữa công ty Đ và thôn X đã thanh lý hợp đồng và bàn giao công trình đưa vào sử dụng. Tuy nhiên tính đến ngày khởi kiện thôn X còn nợ Công ty Đ số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) theo hợp đồng và những thỏa thuận phát sinh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Văn H là trưởng thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình làm đại diện thừa nhận việc thôn X còn nợ Công ty Đ số tiền 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) theo việc thanh lý hợp đồng nói trên, tuy nhiên ông đưa ra yêu cầu phản tố, cụ thể: Yêu cầu phía Công ty Đ phải trả lại cho thôn X 67.000.000đ(Sáu mươi bảy triệu đồng) do thôn X đã chi trả dôi dư giá trị(tiền), theo kết luận của đoàn giám sát. Sau khi trừ số tiền 30.000.000đ mà thôn X còn nợ Công ty Đ, thì Công ty Đ phải trả lại cho thôn X số tiền còn lại là 37.000.000đ(Ba mươi bảy triệu đồng).

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử(HĐXX) xét thấy: Hợp đồng số 01/2015/HĐ-XD giữa Công ty Đ và thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình về việc xây dựng Đình làng thôn X và các thỏa thuận phát sinh trong quá trình xây dựng công trình Đình làng thôn X là đúng theo quy định, được sự thống nhất và thỏa thuận của hai bên, sau khi công trình hoàn thiện đã đưa vào sử dụng, hai bên đã thống nhất ký kết các biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng và đã bàn giao đúng quy trình, theo đó thôn X còn nợ Công ty Đ 86.642.000đ, đến ngày 30/3/2017 thôn X đã thanh toán cho Công ty Đ số tiền 56.641.000đ, còn nợ lại 30.000.000đ(Lấy tròn số), việc này được ông Nguyễn Văn H – Trưởng thôn là người đại diện cho thôn X ký biên bản xác nhận công nợ, tại phiên tòa ông Nguyễn Văn H cũng thừa nhận khoản nợ nói trên. Vì vậy cần buộc thôn X do ông Nguyễn Văn H-Trưởng thôn làm đại diện phải trả khoản nợ nói trên và khoản tiền lãi phát sinh(0,8%/tháng) theo biên bản thỏa thuận giữa Công ty Đ và thôn X ngày 20/12/2017 là có căn cứ.

Đối với việc ông Nguyễn Văn H phản tố yêu cầu Công ty Đ phải thanh toán lại(phải trả lại) khoản tiền mà thôn X đã trả dôi cho Công ty Đ với số tiền 67.000.000đ(Sáu mươi bảy triệu đồng), sau khi cân đối số nợ 30.000.000đ(ba mươi

triệu đồng) Công ty Đ còn phải trả lại cho thôn X số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng). Sau khi thảo luận và nghị án HĐXX xét thấy: Việc công ty Đ hợp đồng với thôn X về việc xây dựng công trình Đình làng và các khoản (hạng mục công trình) phát sinh đều được sự thống nhất, thỏa thuận của hai bên (Thôn X và Công ty Đ), sau khi công trình hoàn thành đã có biên bản thanh lý hợp đồng và đã bàn giao đưa vào sử dụng ngày 22/8/2015. Tuy nhiên đến ngày 26/12/2016 mới có báo cáo kết quả kiểm tra kinh tế Đình làng của Tổ kiểm tra thôn X, đến ngày 22/6/2017 Hội đồng nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình mới có quyết định thành lập Đoàn giám sát kết quả kiểm tra của tổ kiểm tra kinh tế xây dựng Đình làng thôn X, đến ngày 11/7/2017 mới có thông báo kết luận của Đoàn giám sát kết quả kiểm tra của Tổ kiểm tra kinh tế xây dựng Đình làng thôn X; cùng ngày 11/7/2017 Hội đồng nhân dân xã X có quyết định số 97/QĐ-HĐND về việc công nhận kết quả giám sát, kiểm tra của Đoàn giám sát về 09 hạng mục phát sinh thuộc công trình xây dựng Đình làng thôn X.

Như vậy, công trình Đình làng thôn X đã được bàn giao đưa vào sử dụng và thanh lý hợp đồng hơn một năm, mới phát sinh tổ kiểm tra giám sát và quyết định của Hội đồng nhân dân xã X về việc công nhận kết quả giám sát của Đoàn giám sát 09 hạng mục phát sinh của công trình xây dựng Đình làng thôn X; mặt khác, việc Công ty Đ ký hợp đồng với thôn X là chủ đầu tư xây dựng, trong hợp đồng xây dựng công trình Đình làng thôn X không có quy định là Tổ kiểm tra hoặc Đoàn giám sát kiểm tra kết quả giám sát của Tổ kiểm tra kinh tế thôn X có quyền kiểm tra giám sát sau khi công trình hoàn thành đưa vào sử dụng mà thôn X trả dôi dư tiền cho Công ty Đ thì công ty Đ phải có trách nhiệm và nghĩa vụ phải hoàn lại. Do đó, ông Nguyễn Văn H là người đại diện cho thôn X yêu cầu phía Công ty Đ phải hoàn trả số tiền nói trên là không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với việc ông Nguyễn Văn H có yêu cầu Tòa án xem xét thẩm định, thẩm tra đối với 09 hạng mục nói trên, ngày 07/11/2017 Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã có công văn số 02/CV-TA yêu cầu ông nêu rõ 09 hạng mục gồm những hạng mục cụ thể gì; khối lượng thừa, thiếu hay giá tiền trả dôi theo giá thị trường hay trả dôi theo hợp đồng đã được ký kết với công ty Đ; đến ngày 10/12/2017 ông Nguyễn Văn H có tờ trình đề nghị Tòa án xem xét 09 hạng mục gồm: Hạng mục phát sinh xây dựng phần móng toàn bộ; Hạng mục phát sinh xây dựng kho toàn bộ; Hạng mục tường xây do phát sinh nâng cao 0,7m; Hạng mục tô trát tường do phát sinh nâng cao 0,7m; Hạng mục lắp dựng khuôn ngoại toàn bộ; Hạng mục bê tông đỉnh mái; Hạng mục nhân công toàn bộ; Hạng mục bê tông nền bậc; Hạng mục điện sáng (Tất cả đều yêu cầu thẩm định số lượng trả dôi cho nhà thầu bằng tiền). Tại phiên tòa ông H vẫn giữ nguyên quan điểm như tờ trình. nên HĐXX không xem xét.

Về án phí: Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình do ông Nguyễn Văn H, trưởng thôn đại diện phải chịu án phí theo luật định; Công ty Đ do ông Nguyễn Xuân T, đại diện không phải chịu án phí và được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8; Điều 274; Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH XD TH và Thương mại Đ do ông Nguyễn Xuân T giám đốc đại diện, xử buộc Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình do ông Nguyễn Văn H – Trưởng thôn làm đại diện phải trả nợ cho công ty TNHH XD TH và Thương mại Đại Thành do ông Nguyễn Xuân T, giám đốc đại diện số tiền 33.600.000đ (Ba mươi ba triệu sáu trăm nghìn đồng). Trong đó: tiền nợ gốc 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng) tiền lãi tính đến ngày Công ty TNHH XD TH và Thương mại Đ khởi kiện.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn H, trưởng thôn đại diện cho Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình về việc yêu cầu Công ty TNHH XD TH và Thương mại Đ do ông Nguyễn Xuân T, giám đốc đại diện phải trả lại số tiền cho thôn X là 67.000.000đ (Sáu mươi bảy triệu đồng).

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (21/12/2017) cho đến khi bên phải thi hành án trả hết tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh từ nợ gốc còn phải trả cho công ty TNHH XD TH và Thương mại Đ theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 30/3/2017.

Về án phí: Thôn X, xã Xy, huyện L, tỉnh Quảng Bình do ông Nguyễn Văn H, trưởng thôn đại diện phải chịu 5.030.000đ (năm triệu không trăm ba mươi nghìn đồng). Trong đó: phần án phí không được chấp nhận là 3.350.000đ (Ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); phần án phí đối với số tiền phải trả cho Công ty TNHH XD TH và Thương mại Đ 1.680.000đ (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng). Nhưng được trừ 1.675.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Quảng Bình theo biên lai số 0001595 ngày 18/9/2017; ông Nguyễn Văn H còn phải nộp 3.355.000đ (Ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Công ty TNHH XD TH và thương mại Đ do ông Nguyễn Xuân T làm giám đốc đại diện không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 840.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự theo biên lai số 0001579 ngày 22/8/2017.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND h Lệ Thủy;
- Chi cục THADS h Lệ Thủy;
- Các đương sự;
- UBND xã Xuân Thủy;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương